TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.

2. Ông Trần Văn Dá.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị G**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 và biên bản lấy khai ngày 18/4/2019 chị Lê Thị G trình bày: Chị với anh T tổ chức đám cưới vào năm 2002. Giữa hai người không có đi đăng ký kết hôn mà chỉ một mình anh T đi đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân xã Thạnh P, huyện Mỹ X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/9/2004. Việc anh T đi đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận chị không hay biết nhưng chị không khiếu nại gì về việc cấp giấy này mà vẫn đồng ý. Trong quá trình chung sống thì giữa chị với anh T có một đứa con chung tên là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/4/2005 hiện con chung đang sống với chị. Giữa hai vợ chồng có tạo lập được một

chiếc xe gắn máy biển số kiểm soát 83 F8-6448 xe chị đang quản lý. Ngoài ra thì giữa chị với anh T không có tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ chung. Thời gian đầu giữa hai người sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì giữa hai chồng phát sinh mâu thuẫn, cải vã và anh T thường xuyên đánh đập, bạo lực đối với chị do không thể chịu đựng và hàn gắn được nên hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 9 tháng nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T, về con chung chị yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày như sau: Anh với chị G tổ chức đám cưới với nhau vào ngày 09/12/2002 âm lịch, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh P, huyện Mỹ X cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/2004. Giữa hai người có một đứa con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/4/2004 hiện P đã nghỉ học ở nhà phụ giúp mẹ buôn bán. Hai vợ chồng có một chiếc xe gắn máy mang biển kiểm soát 83 F8-6448, hiện chị G đang chạy, xe mua đã lâu khoảng năm 2004, lúc mua giá 9.700.000 đồng do anh vợ tên Lê Văn N đứng tên sở hữu, lý do lúc mua anh chưa có giấy phép lái xe nên nhờ anh N đứng tên. Ngoài ra, giữa vợ chồng không còn tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ là Tết cổ truyền từ mùng 01 đến mùng 06 tết anh có kêu chị G về bên nhà cha mẹ anh chơi nhưng chị G không đi, mà còn thách thức là "tao không đi làm gì tao", anh có hâm "là tin tao đánh mầy không" thì giữa anh với chị G có xô xác, do lúc đó anh hơi nóng tính nên có đánh vợ nhưng đánh nhẹ chứ không có đánh mạnh đến nổi bầm tím mặt hay tay chân. Ngoài ra anh không còn đánh vợ lần nào nữa, anh không có nhậu, hút thuốc hay cờ bạc gì, anh cũng không có hâm đánh hay đâm chém vợ. Hai vợ chồng không sống chung với nhau đã hơn một năm, do chị G mướn quán bán bún phía trước nhà khoảng 01 năm, anh ở nhà sau từ đó hai vợ chồng không có sống chung với nhau nữa.

Nay chị G yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, do còn thương vợ. Trường hợp chị G khai đúng sự thật là có đăng ký kết hôn, có cưới hỏi đàng hoàng và có mặt tại phiên tòa thì anh mới đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn thì anh nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu chị G cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung là chiếc xe gắn máy mang biển kiểm soát 83 F8-6448 anh không yêu cầu giải quyết mà đồng ý cho chị G.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa. Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn Lê Thị G, do chị G có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung: Đối với hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị G xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T; về con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/4/2005 đang sống chung với chị G, chị G có nguyện vọng được nuôi con chung và đây cũng là nguyện vọng của cháu P nên đề nghị HĐXX giao cháu P cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn Lê Thị G. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị G có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 30), căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T. Lý do, giữa chị với anh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh P, huyện Mỹ X cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/9/2004. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T thống nhất hai người có tổ chức đám cưới vào năm 2002. Đến năm 2004 thì được Ủy ban nhân dân xã Thạnh P, huyện Mỹ X cấp giấy chứng nhận kết hôn. Theo chị G thì việc đăng ký kết hôn là do anh T tự đi đăng ký chị không hay biết, nhưng chị vẫn đồng ý với việc việc Ủy ban nhân dân xã Thạnh P, huyện Mỹ X cấp giấy chứng nhận kết hôn và không khiếu về việc cấp giấy này. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị G thì thời gian đầu hai người sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 giữa chị với anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và anh T thường xuyên đánh đập, bạo lực đối với chị nên đã ly thân hơn 09 tháng. Anh T thừa nhận vào dịp tết nguyên đáng thì giữa hai vợ chồng có xảy ra xô xát và anh có đánh chị G một lần nhưng đánh nhẹ không mạnh vì anh có kêu chị về nhà anh chơi nhưng chị G không đi. Nay chị G xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, trường hợp vợ có mặt tại phiên tòa thì anh đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị G và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đồng thời, anh T thừa nhận có hành vi đánh chị G và hiện hai vợ chồng đã ly thân hơn 09 tháng nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Chị G xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn với anh T nên mối quan hệ hôn nhân giữa hai người không thể hàn gắn được. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[5] *Về nuôi dưỡng con chung:* Các bên thống nhất có 01 đứa con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/4/2005 (theo hộ khẩu số 332 thì Phong sinh ngày 15/4/2004) hiện đang sống chung với chị G, chị G với anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tại biên bản ngày 11/4/2019 ghi ý kiến của cháu Nguyễn Hoàng P thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ, khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, hiện chị G đang có công việc ổn định chị làm móng, nhận nấu đám tiệc, mua bán thu nhập mỗi tháng sau khi trừ chi phí thì chị còn lại khoản 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Ngoài ra, cháu P đang có cuộc sống ổn định với chị G nên thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống của cháu, đồng thời cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên đối với yêu cầu của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giao con chung cho chị G nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận. Dành quyền cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[6] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị G nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về tài sản chung, nợ chung:* các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị G được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 15/4/2005 (theo hộ khẩu số 332 Phong sinh ngày 15/4/2004) cho chị Lê Thị G trực tiếp nuôi

dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008099 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T, chị G đã nộp xong tiền án phí.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- UBND xã Thạnh P, huyện Mỹ X;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Phước Toàn